

*Giáo trình kinh tế học* - Joseph E. Stiglitz

*Chương 3: Cơ sở kinh tế đối với chính phủ*

cuu duong than cong. com

## Hiệu quả của thị trường cạnh tranh: Bàn tay vô hình

Năm 1776, trong công trình lớn nghiên cứu về kinh tế học hiện đại, “Sự giàu có của các quốc gia”, Adam Smith đã lập luận rằng cạnh tranh có thể dẫn dắt con người theo đuổi lợi ích công cộng khi đang theo đuổi lợi ích cá nhân (lợi nhuận), dường như có một bàn tay vô hình vậy.

... Anh ta dự định chỉ đạt mục đích của mình, và anh ta đang ở đây, như nhiều tình huống khác, bị dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình đi đến thúc đẩy một mục đích khác không thuộc dự định của mình. Điều đó không phải bao giờ cũng là xấu đối với xã hội, nếu cái đó không phải là một phần mục tiêu của anh ta. Bằng cách theo đuổi lợi ích của mình, anh ta thường thúc đẩy lợi ích của xã hội một cách có hiệu quả hơn là khi anh ta có ý định thực hiện sự thúc đẩy nó.

Để hiểu được ý nghĩa quan điểm của Smith, chúng ta nên nghiên cứu những quan điểm chung về vai trò của chính phủ trước thời Smith. Đã có một quan điểm phổ biến cho rằng việc đạt được những lợi ích tốt nhất của công cộng (dù cho có thể là định trước) đòi hỏi phải có một chính phủ tích cực. Quan điểm này liên quan một cách đặc biệt với trường phái trọng thương của thế kỷ 17 và 18; người ủng hộ chính trường phái này là Jean Bapstiste Colbert, Bộ trưởng tài chính dưới thời Vua

Louis XIV của Pháp. Những người theo trường phái trọng thương ủng hộ những hành động mạnh mẽ của chính phủ để thúc đẩy công nghiệp và thương mại. Thực vậy, nhiều chính phủ châu Âu đã đóng vai tích cực trong việc thúc đẩy hình thành các thuộc địa, và những người theo trường phái trọng thương đã là một nhân tố cho việc làm đó.

Một số nước (hoặc một số công dân của các nước đó) đã được lợi lớn nhờ vai trò tích cực đó của chính phủ; nhưng các nước khác, dù chính phủ có thụ động hơn nhiều, cũng vẫn thịnh vượng lên. Một số nước có chính phủ mạnh và tích cực lại không thịnh vượng lên được, vì các nguồn lực của đất nước đã bị hao phí cho chiến tranh hoặc cho những cuộc phiêu lưu không thành công.

Trước những kinh nghiệm dường như trái ngược này, Smith đã tự đặt câu hỏi: xã hội có thể đảm bảo được rằng liệu những người được trao quyền quản lý xã hội có thực sự vì quyền lợi chung không? Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng, ở một số thời điểm, nhiều chính phủ đã theo đuổi các chính sách tỏ ra phù hợp với mục tiêu công cộng, song ở những thời điểm khác, chính phủ lại theo đuổi những chính sách mà dù có tưởng tượng phóng đại lên thế nào cũng không thể phù hợp với lợi ích công. Hơn nữa, những người quản lý thường theo đuổi lợi ích riêng tư của họ thay vì lợi ích công. Hơn nữa, ngay cả những người lãnh đạo có dụng ý tốt cũng thường vẫn dẫn dắt đất nước mình đi sai đường. Smith lập luận rằng, không nên dựa vào chính phủ

hay bất kỳ một tình cảm đạo đức nào để làm điều tốt đẹp. Lợi ích công được gìn giữ chỉ khi nào mỗi cá nhân đều làm điều gì đó vì lợi ích riêng của bản thân. Lợi ích bản thân là đặc điểm cố hữu hơn cả của con người so với làm điều thiện, và vì vậy, nó là cơ sở hợp lý để tổ chức xã hội. Hơn nữa, cá nhân có thể xác định chắc chắn độ chính xác xem lợi ích bản thân làm gì trước khi xác định lợi ích công.

Bản năng nằm sau ý tưởng của Smith rất đơn giản: nếu có một hàng hóa hay dịch vụ nào mà các cá nhân ưa chuộng nhưng hiện tại chưa được sản xuất ra, thì họ sẽ sẵn sàng trả giá cho hàng hóa hoặc dịch vụ đó. Những người có đầu óc kinh doanh, khi tìm kiếm lợi nhuận, luôn luôn tìm kiếm cơ hội. Nếu giá trị của một hàng hóa nhất định đối với người tiêu dùng cao hơn chi phí sản xuất thì có thể có lợi nhuận cho người kinh doanh, và người đó sẽ sản xuất hàng hóa đó. Tương tự như vậy, nếu có cách sản xuất nào rẻ hơn cách hiện đang được áp dụng, người kinh doanh phát hiện ra cách rẻ hơn đó sẽ đánh gục các hãng cạnh tranh và kiếm được lợi nhuận. Việc tìm kiếm lợi nhuận của các hãng là sự tìm kiếm các phương thức sản xuất có hiệu quả hơn và đối với những hàng hóa mới đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

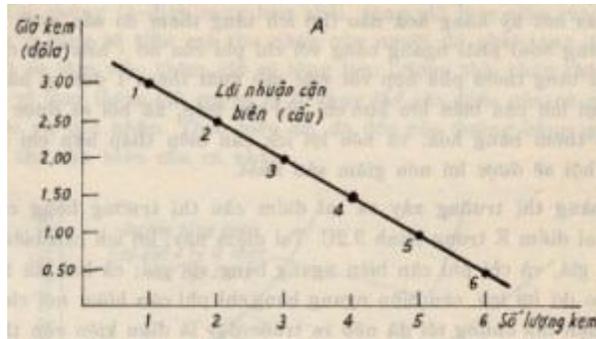
Lưu ý rằng, theo cách nhìn đó, không có ủy ban hoặc chính phủ nào cần quyết định một loại hàng hóa nào đó nên hay không nên sản xuất ra. Hàng hóa đó sẽ được sản xuất ra nếu đáp ứng được thử nghiệm của thị trường, tức là nếu cái gì mà cá nhân

muốn trả giá thì phải có giá trị lớn hơn chi phí làm ra nó. Không một ủy ban giám sát nào của chính phủ cần kiểm tra xem hàng hóa đó sản xuất có hiệu quả hay không: cạnh tranh sẽ loại trừ các nhà sản xuất không hiệu quả.

Có sự nhất trí phổ biến (nhưng không phải là chung) giữa các nhà kinh tế rằng các lực lượng cạnh tranh sẽ dẫn đến hiệu quả cao, và cạnh tranh là sự kích thích quan trọng đối với đổi mới, sáng tạo. Tuy nhiên, trong hai trăm năm qua, các nhà kinh tế đã công nhận rằng, có một số trường hợp quan trọng mà ở đó thị trường không hoạt động hoàn hảo như những người nhiệt thành nhất ủng hộ thị trường thường nói. Nền kinh tế đã trải qua những thời kỳ thất nghiệp lan tràn và các nguồn lực không được sử dụng; cuộc [Đại khủng hoảng của những năm 1930](#) làm cho nhiều người muốn làm việc lại bị thất nghiệp; ô nhiễm đã phá hủy nhiều thành phố lớn của chúng ta; và tình trạng đổ nát ở nông thôn lây lan khắp nơi

- [\*Hai định lý cơ bản về kinh tế học phúc lợi\*](#)
- Với nghĩa nào và trong các điều kiện nào, thị trường cạnh tranh đưa lại hiệu quả kinh tế? Đây là vấn đề trọng tâm của nhiều nghiên cứu lý luận về kinh tế học trong vài thập kỷ qua. Những kết quả chính được tóm tắt lại thành hai định lý cơ bản về kinh tế học phúc lợi.
- **Định lý cơ bản thứ nhất**

- Định lý thứ nhất cho rằng, với những điều kiện nhất định, thị trường cạnh tranh dẫn đến phân bổ các nguồn lực với một đặc tính rất đặc biệt: không có sự bố trí lại nguồn lực (không thể thay đổi trong sản xuất và tiêu dùng), cho nên ai đó có thể có lợi, đồng thời lại làm cho ai đó bị thiệt. Chắc chắn là có nhiều cách phân bổ nguồn lực khác mà chúng có thể làm cho một hoặc nhiều người hơn có lợi. Nhưng trong mỗi một trường hợp đó có một số người vẫn có thể bị thiệt. Các phân bổ nguồn lực có đặc tính không làm cho ai được lợi hơn, cũng không có ai bị thiệt, được gọi là hiệu quả Pareto (hay tối ưu Pareto), mang tên nhà kinh tế xã hội học Vilfredo Pareto (1848-1923). Hiệu quả Pareto là cái mà các nhà kinh tế thường ngụ ý khi họ bàn về hiệu quả.
- Có một cách trình bày hiệu quả Pareto của nền kinh tế bằng biểu đồ. Hãy cho một nền kinh tế đơn giản với hai người mà chúng ta gọi là Robinson Crusoe và Friday. Giả sử rằng chúng ta xác định rõ một người khá giả ở mức nào đó và gọi mức đó là độ hữu dụng, vậy thì chúng ta hãy đặt câu hỏi: với độ hữu dụng đã xác định của một người, chúng ta có thể làm cho người kia cũng khá giả được không? Có thể đạt độ hữu dụng cao đến mức nào? Đường cong cho thấy mức độ hữu dụng tối đa mà một người có thể đạt được với mức độ hữu dụng của người kia đã xác định, được gọi là đường khả năng hữu dụng (xem Hình 3.1)



**Hình 3.1 Đường cong khả năng hữu dụng**

- Định lý cơ bản thứ nhất của kinh tế học phúc lợi nhận định rằng, nền kinh tế đạt được một điểm trên đường khả năng hữu dụng (E). Định lý cơ bản thứ hai của kinh tế học phúc lợi nhận định rằng mọi điểm trên đường khả năng hữu dụng (ví dụ như điểm E') có thể đạt được đơn giản bằng cách phân phối lại các nguồn lực từ người này cho người kia (nhưng lúc đó phải để cho cơ chế thị trường làm việc)
- **Định lý cơ bản thứ hai**
- Định lý thứ hai nhận định rằng, mọi điểm trên đường khả năng hữu dụng có thể đạt được bằng cách nền kinh tế cạnh tranh cho phép chúng ta bắt đầu bằng việc phân bổ một cách đúng đắn các nguồn lực. Ví dụ, giả định rằng chúng ta đang ở điểm E trong Hình 3.1. Bằng cách lấy bớt một số nguồn lực của Crusoe (người thứ hai) và chuyển cho Friday (người thứ nhất) chúng ta có thể chuyển dịch nền kinh tế cạnh tranh từ điểm E sang E'.
- Khi nói rằng nền kinh tế có hiệu quả Pareto là chưa nói gì về việc phân phối thu nhập “tốt” như thế nào. Trong cân bằng qua cạnh tranh, Robinson

Crusoe có thể đã được lợi rất nhiều, trong khi đó Friday sống trong cảnh nghèo đói thảm hại (như ở điểm E). Nhận định cho rằng nền kinh tế là tối ưu Pareto chỉ nói lên rằng không có một người nào khấm khá lên mà không làm cho ai đó nghèo đói hơn, rằng nền kinh tế đang nằm trên đường khả năng hữu dụng của nó. Nhưng định lý cơ bản thứ hai nói rằng, nếu chúng ta không thích phân phối thu nhập do thị trường cạnh tranh tạo ra, chúng ta cũng không cần bỏ việc sử dụng cơ chế thị trường cạnh tranh. Tất cả những gì chúng ta cần làm là phân phối lại của cải ban đầu, phân còn lại để cho thị trường cạnh tranh giải quyết. Dù là cách phân bổ tương ứng với các điểm E và E', hay là bất kỳ cách phân bổ cuối cùng về các lợi ích nào khác mà mỗi người muốn nhận được, thì vẫn có cách phân bổ nguồn lực ban đầu.

- Định lý cơ bản thứ hai của kinh tế học phúc lợi có ý nghĩa nổi bật là mọi cách phân bổ có hiệu quả Pareto đều có thể đạt được bằng cơ chế thị trường phân cấp. Trong một hệ thống phân cấp, quyết định về sản xuất và tiêu dùng (hàng hóa nào được sản xuất ra, sản xuất chúng như thế nào, ai nhận được hàng hóa nào) do vô số hãng và cá nhân thực hiện, và điều đó tạo nên nền kinh tế. Ngược lại, trong cơ chế phân bổ tập trung, tất cả các quyết định này đều được tập trung vào một cơ quan duy nhất, đó là cơ quan kế hoạch trung ương, hay một người duy nhất được coi là nhà lập kế hoạch tập trung. Tất nhiên, không có một nền kinh tế nào lại tập trung hóa hoàn toàn, mặc dù ở

Liên Xô và một số nước thuộc khối Đông Âu khác, việc ra quyết định kinh tế được tập trung nhiều hơn so với ở Hoa Kỳ và các nền kinh tế Tây Âu. Tuy nhiên, sự thúc đẩy mạnh mẽ những cải cách được áp dụng ở Liên Xô trong những năm vừa qua là để tăng cường mức độ phi tập trung.

- Định lý cơ bản thứ hai của kinh tế học phúc lợi nói rằng, để phân bổ các nguồn lực một cách có hiệu quả với chế độ phân phối thu nhập mong muốn, không cần thiết phải có một người làm kế hoạch ở trung ương, dù có thể quy cho người đó mọi sự thông thái của một nhà lý luận kinh tế hoặc một nhà xã hội không tưởng: các hãng cạnh tranh đang nỗ lực tăng tối đa lợi nhuận của họ có thể thực hiện công việc tốt như các nhà làm kế hoạch trung ương tốt nhất có thể có được. Định lý này, do đó, là luận chứng chủ yếu đối với việc dựa vào cơ chế thị trường. Nói cách khác, nếu các điều kiện được giả định trong định lý kinh tế học phúc lợi thứ hai có hiệu lực, thì việc nghiên cứu về tài chính công cộng có thể giới hạn vào việc phân tích sự phân phối lại của chính phủ về các nguồn lực một cách thích hợp.
- Lý do thị trường cạnh tranh, trong các điều kiện lý tưởng, dẫn đến phân bổ nguồn lực tối ưu Pareto là một trong những chủ đề nghiên cứu của các khóa chính quy kinh tế học vi mô (micro). Vì chúng ta quan tâm đến lý do tại sao thị trường cạnh tranh không đem lại hiệu quả trong một số hoàn cảnh, cho

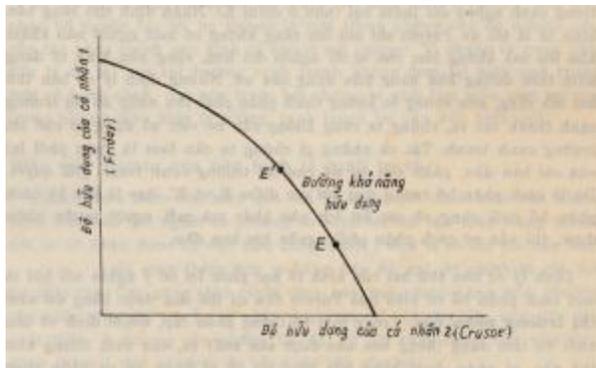
nên trước hết chúng ta phải tìm hiểu xem tại sao trong những điều kiện lý tưởng, cạnh tranh lại dẫn đến hiệu quả.

- 
- [Hiệu quả Pareto của nền kinh tế cạnh tranh](#)
- Cạnh tranh dẫn đến hiệu quả bởi vì khi quyết định mua bao nhiêu hàng hóa nào đó, người ta thường so sánh lợi ích cận biên (tăng thêm) mà họ sẽ nhận được từ việc tiêu dùng thêm một đơn vị có chi phí cận biên do mua thêm đơn vị hàng hóa đó, mà đó chính là giá mà họ phải trả. Các hãng, khi quyết định bán bao nhiêu hàng hóa, thường cân nhắc giữa giá mà họ sẽ nhận được với chi phí cận biên của việc sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm. Do đó, lợi ích tăng thêm của việc tiêu dùng thêm một đơn vị được đo bằng chi phí cận biên.
- Hình 3.2. thể hiện lợi ích cận biên mà một người nhận được do tiêu dùng một hàng hóa nào đó, ví dụ như kem. Khi người đó càng ăn thêm kem, thì lợi ích cận biên mà người đó nhận được nhờ ăn thêm kem sẽ giảm dần đi. Đường lợi ích cận biên sẽ đi xuống. Lợi ích cận biên mà anh ta nhận được nhờ ăn cái kem đầu (tính bằng đôla) là 3 đôla; từ cái thứ hai là 2,5 đôla; từ cái thứ ba là 2 đôla; từ cái thứ tư là 1,5 đôla; từ cái thứ năm là 1 đôla; từ cái thứ sáu là 0,5 đôla; và tại điểm này người đó trở nên bão hòa dần. Người đó

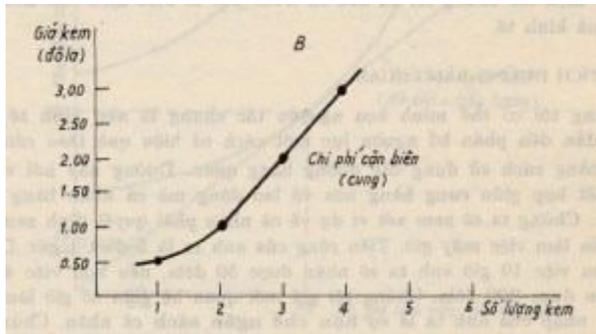
sẽ mua bao nhiêu kem? Anh ta sẽ mua cho đến khi lợi ích cận biên của que kem cuối cùng chỉ bằng chi phí của chính nó.

- Nếu giá của mỗi chiếc kem là 2,5 đôla, người đó sẽ mua 2 cái; nếu giá là một đôla, anh ta sẽ mua 5 cái. Đường miêu tả lợi ích cận biên của cá nhân ở mỗi lượng kem mà anh ta ăn, do đó cũng miêu tả cả lượng hàng hóa mà cá nhân đó có nhu cầu tại mỗi mức giá. Do đó chúng ta gọi đường cong này là đường cầu cá nhân. Chúng tôi hình thành đường cầu thị trường đơn giản bằng cách cộng các đường cầu cá nhân lại. Trong Hình 3.2C, chúng tôi đã vẽ đường cầu thị trường, với giá định rằng có 1.000 cá nhân giống nhau. Do đó, tại mức giá 2 đôla 1 chiếc kem, mỗi cá nhân có nhu cầu ăn 3 chiếc và cầu thị trường sẽ là 3.000 chiếc kem.
- Hình 3.2B chúng tôi biểu thị chi phí cận biên mà hãng phải chịu do sản xuất thêm 1 đơn vị hàng hóa (làm thêm 1 chiếc kem). Chúng tôi đã biểu thị đường cong đi lên. Do hãng sản xuất nhiều hàng hơn nên chi phí sản xuất thêm 1 đơn vị cũng tăng lên (1). Trong hình vẽ, chi phí cận biên để sản xuất chiếc kem đầu tiên là 0,5 đôla; cái thứ hai là 1 đôla; cái thứ ba là 2 đôla; cái thứ tư là 3 đôla.
- Vậy hãng sẽ sản xuất bao nhiêu chiếc kem? Hãng sẽ sản xuất kem cho đến khi chi phí cận biên của chiếc kem cuối cùng chỉ bằng cái mà hãng nhận được, tức là bằng giá của 1 chiếc kem. Nếu hãng nhận được 1 đôla giá bán

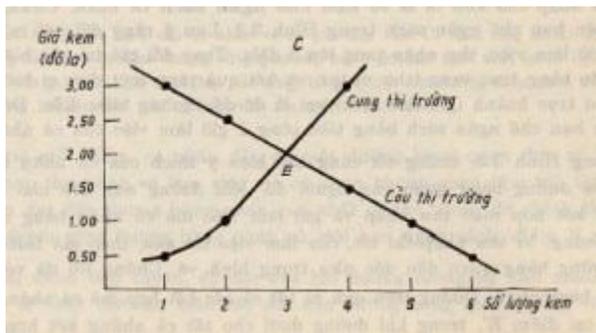
1 chiếc kem, thì nó chỉ sản xuất được 2 chiếc kem; nếu nhận được 2 đôla, nó sẽ sản xuất 3 chiếc kem. Do đó, đường cong miêu tả chi phí tăng thêm của hãng tại mỗi lượng kem được sản xuất ra cũng miêu tả lượng hàng hóa mà hãng làm ra tại mỗi mức giá. Chúng tôi gọi đường cong này là đường cung của hãng. Chúng tôi hình thành đường cung thị trường đơn giản bằng cách cộng các đường cung của mỗi hãng. Chúng tôi biểu diễn đường cung thị trường theo hình C, với giả định rằng số lượng hãng là cố định (ở đây là 1.000 hãng) sản xuất tương tự nhau. Tại sao mức giá 2 đôla, mỗi hãng sẽ cung cấp 3 đơn vị hàng hóa; do đó, cung thị trường là 3.000 đơn vị hàng hóa.



• *Hình 3.2A*



• Hình 3.2B



• Hình 3.2C

• Hình 3.2 Cầu và cung kem.

*Cân bằng thị trường xảy ra tại điểm lợi ích cận biên của việc dùng thêm một chiếc kem*

*bằng chi phí cận biên của việc sản xuất ra thêm 1 chiếc kem.*

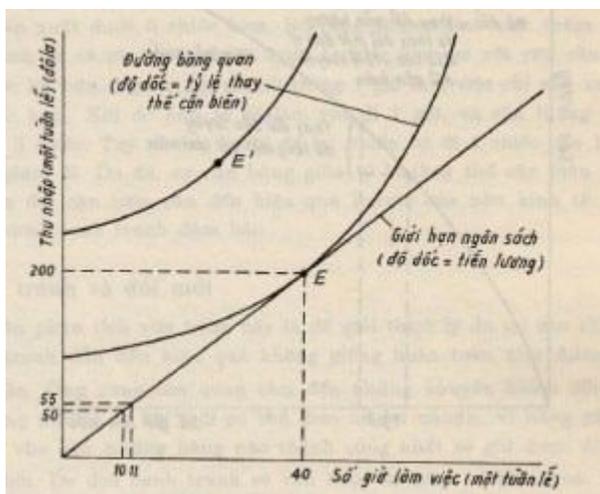
- Hiệu quả đòi hỏi lợi ích cận biên phù hợp với việc sản xuất thêm 1 đơn vị của bất kỳ hàng hóa nào (lợi ích tăng thêm do sản xuất thêm 1 đơn vị hàng hóa) phải ngang bằng với chi phí của nó – như vậy có nghĩa là chi phí tăng thêm phù hợp với việc sản xuất thêm 1 đơn vị hàng hóa. Vì nếu lợi ích cận biên lớn hơn chi phí cận biên, xã hội sẽ được lợi nhờ sản xuất thêm hàng

hóa; và nếu lợi ích cận biên thấp hơn chi phí cận biên, xã hội sẽ được lợi nếu giảm sản xuất.

- Cân bằng thị trường xảy ra tại điểm cầu thị trường bằng cung thị trường, tại điểm E trong Hình 3.2C. Tại điểm này, lợi ích cận biên ngang bằng với giá, và chi phí cận biên ngang bằng với giá; cả hai giá trị bằng 2 đôla; do đó lợi ích cận biên ngang bằng chi phí cận biên; nói chính xác là điều kiện mà chúng tôi đã nêu ra trước đây là điều kiện cần thiết cho hiệu quả kinh tế
- **Phân tích đường bàng quan**
- Chúng tôi có thể minh họa nguyên tắc chung là nền kinh tế cạnh tranh dẫn đến phân bổ nguồn lực một cách có hiệu quả theo cách hơi khác, bằng cách sử dụng các đường bàng quan. Đường này nói về các cách kết hợp giữa cùng hàng hóa và lao động mà cá nhân bàng quan (thờ ơ). Chúng ta sẽ xem xét ví dụ về cá nhân phải quyết định xem anh ta muốn làm việc mấy giờ. Tiền công của anh ta là 5 đôla 1 giờ. Do đó, nếu làm việc 10 giờ anh ta sẽ nhận được 50 đôla, nếu làm việc 40 giờ sẽ nhận được 200 đôla. Chúng tôi gọi mối quan hệ giữa số giờ làm việc và thu nhập của anh ta là sự hạn chế ngân sách cá nhân. Chúng tôi thể hiện hạn chế ngân sách trong Hình 3.3. Lưu ý rằng đối với mỗi số tăng giờ làm việc, thu nhập tăng lên 5 đôla. Thay đổi giá trị của biến số được đo bằng trục tung (thu nhập), và kết quả tăng một đơn vị biên

số đo theo trục hoành (giờ làm việc) gọi là độ dốc đường biểu diễn. Do đó, độ dốc hạn chế đường ngân sách bằng tiền công 1 giờ làm của cá nhân.

- Trong Hình 3.3, chúng tôi cũng thể hiện ý thích của cá nhân bằng cách vẽ đường bàng quan của người đó. Mỗi đường này đều cho thấy những kết hợp mức thu nhập và giờ làm việc mà cá nhân bàng quan giữa chúng. Vì thu nhập thì tốt, còn làm việc thì xấu, theo giả thiết thì các đường bàng quan đều dốc như hình vẽ. Chúng tôi đã vẽ hai đường bàng quan. Đường trên đưa ra tất cả các kết hợp mà cá nhân đều thờ ơ tại điểm E', trong khi đường dưới cho tất cả những kết hợp mà cá nhân thờ ơ tại điểm E. Rõ ràng là, cá nhân sẽ được lợi hơn dọc theo đường bàng quan qua điểm E' so với điểm E, bởi vì ở mọi mức giờ làm việc, dọc theo đường bàng quan trên thì thu nhập đều cao hơn.
- Bây giờ hãy cân nhắc sự vận động dọc theo đường bàng qua duy nhất. Khi chúng ta dịch sang bên phải, tăng giờ làm việc của cá nhân, hãy lưu ý rằng số tiền mà thu nhập của người đó phải tăng để bù đắp cho anh ta làm việc thêm giờ sẽ tăng lên. Lượng thu nhập thêm chỉ đủ bù đắp vì làm thêm giờ gọi là tỷ lệ thay thế cận biên của cá nhân giữa làm việc và thu nhập. Theo biểu đồ, độ dốc của đường bàng quan là tỷ lệ thay thế cận biên của cá nhân.



- **Hình 3.3 Quyết định của cá nhân về số giờ làm việc.**

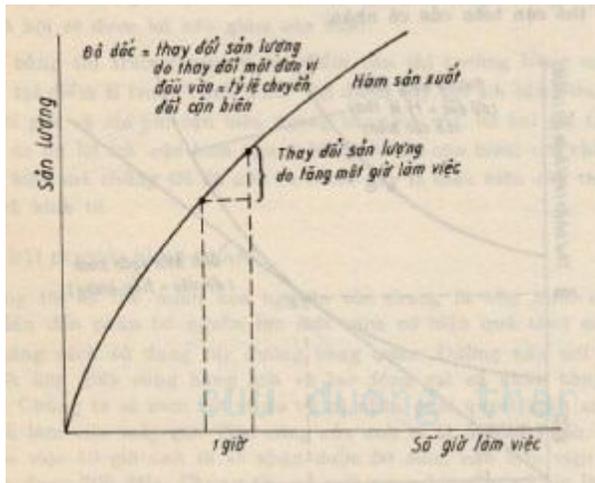
*Cá nhân tăng tối đa độ hữu dụng của mình tại điểm đường bàng quan tiếp tuyến giới hạn ngân sách, tại E.*

*Tại E, độ dốc của giới hạn ngân sách (hay tiền công) bằng độ dốc của đường bàng quan,*

*đó là tỷ lệ thay thế cận biên giữa nghỉ ngơi và thu nhập của cá nhân.*

- Qua mỗi điểm, cá nhân đều có một đường bàng quan đưa ra những kết hợp thu nhập và làm việc mà cá nhân không quan tâm tới. Cá nhân muốn đạt tới đường bàng quan cao nhất có thể được; đó chính là điểm tiếp tuyến giữa đường bàng quan và giới hạn ngân sách, điểm E.
- Tại điểm tiếp tuyến, độ dốc của hai đường tương tự như nhau – tức là tỷ lệ thay thế cận biên (độ dốc của đường bàng quan bằng tới tiền lương).
- Bây giờ hãy nghiên cứu một hãng đại diện. Hãng càng tuyển nhiều lao động, sản lượng càng cao. Mối quan hệ giữa đầu ra và đầu vào gọi là hàm sản xuất

của hãng; và được biểu diễn trong Hình 3.4. Trong ví dụ đơn giản này, lao động là đầu vào duy nhất. Độ dốc của hàm sản xuất gọi là sản phẩm cận biên của lao động; nó đem lại thêm sản lượng do giờ lao động thêm tạo ra. Vì hãng chuyển dịch vụ lao động thành hàng hóa, các nhà kinh tế đôi khi gọi độ dốc của hàm sản xuất là tỷ lệ chuyển đổi cận biên.



• **Hình 3.4 Hàm sản xuất của hãng.**

*Hãng sản xuất tại điểm giá trị sản phẩm cận biên bằng tiền lương*

- Hãng mong muốn tăng tối đa lợi nhuận. Khi quyết định thuê bao nhiêu lao động, hãng so sánh lợi ích tăng thêm mà mình nhận được (giá trị sản phẩm cận biên) (2) với chi phí tăng thêm (tiền công). Chừng nào giá trị sản phẩm cận biên của 1 giờ lao động tăng thêm cao hơn tiền công, hãng vẫn còn tiếp tục tuyển thêm lao động. Như vậy, ở điểm cân bằng thì giá trị sản phẩm cận biên của lao động sẽ bằng đúng tiền công.

- Giả sử rằng cái sẽ được sản xuất ra có giá là 1 đôla. Chúng ta sẽ thấy rằng hãng sẽ có tỷ lệ chuyển đổi cận biên (sản phẩm lao động cận biên) bằng với tiền công. Nhưng hãy nhớ lại rằng, người lao động xác định tỷ lệ thay thế cận biên bằng với tiền công. Do đó, ở điểm cân bằng thì tỷ lệ thay thế cận biên bằng với tỷ lệ chuyển đổi cận biên. Nhưng đây lại chính là cái mà hiệu quả đòi hỏi phải có. Để thấy được là tại sao như vậy, hãy giả định rằng một người muốn dành một giờ để nghỉ ngơi, với một giờ đó mà anh ta có thể có được 4 chiếc kem. Giả sử với 1 giờ làm việc sản xuất được 5 chiếc kem. Rõ ràng là nên làm việc thêm một giờ ta được lợi hơn. Ngược lại, giả sử trong 1 giờ, và sản lượng sẽ giảm xuống 3 chiếc. Khi đó anh ta sẽ làm rút đi một giờ, và sản lượng sẽ giảm xuống 3 chiếc. Tuy nhiên người đó lại muốn bỏ đi 4 chiếc cho 1 giờ lao động giảm đi. Do đó, sự cân bằng giữa tỷ lệ thay thế cận biên và tỷ lệ chuyển đổi cận biên cần đến hiệu quả Pareto của nền kinh tế và được thị trường cạnh tranh đảm bảo.

—

- (1) Đây là một trường hợp thông thường, trong một số trường hợp chi phí cận biên có thể không tăng. Những ngành không tăng hoặc không giảm được chi phí, gọi là có chi phí ổn định. Có một số ngành khi chi phí sản xuất cận biên có thể thực sự giảm mà vẫn tăng quy mô sản xuất.
- (2) Giá trị sản phẩm biên của lao động chính là cái mà hãng nhận được nhờ

bán mỗi đơn vị sản phẩm (giá bán) nhân với số lượng sản phẩm tăng thêm do đơn vị lao động tăng thêm đó làm ra (sản phẩm lao động cân biên, hoặc tỷ lệ chuyển đổi cận biên).

- [Cạnh tranh và đổi mới](#)

Phân phân tích vừa trình bày là để giải thích lý do tại sao thị trường cạnh tranh dẫn đến hiệu quả không giống hoàn toàn như Adam Smith lập luận. Ông cũng còn quan tâm đến những khuyến khích đổi mới để lợi dụng những cơ hội mới có thể đem lại lợi nhuận.

- Vì hãng phải cạnh tranh, cho nên những hãng nào thành công nhất sẽ giữ được độc quyền tạm thời. Đe dọa cạnh tranh sẽ vẫn buộc họ phải có hiệu quả. Họ phải tiếp tục tìm kiếm cơ hội có thể có lãi, nếu không các hãng khác sẽ giành lấy cơ hội và thị trường khỏi tay họ. Định lý thứ nhất của kinh tế học phúc lợi giải thích tại sao nền kinh tế không thay đổi công nghệ và tất cả các hãng đều khá nhỏ bé đến mức chúng không có ảnh hưởng đến giá cả, vẫn có thể có hiệu quả Pareto. Song lập luận của Adam Smith đã dựa vào triển vọng rộng lớn hơn nhiều.

- Một số ý kiến trong những cuộc bàn luận vừa qua về vai trò của chính phủ và thực tế của cạnh tranh đã dựa trên những triển vọng rộng lớn hơn này, chứ không phải trên quan điểm hẹp hơn được phản ánh trong các định lý cơ bản.

### Những thất bại của thị trường là cơ sở để có hoạt động của chính phủ

Định lý cơ bản thứ nhất của kinh tế học phúc lợi cho rằng nền kinh tế chỉ có hiệu quả Pareto trong các điều kiện nhất định, như chúng ta đã thấy. Có sáu trường hợp quan trọng, hay sáu điều kiện, trong đó nền kinh tế không có hiệu quả Pareto. Đó là những thất bại của thị trường và là những cơ sở để có hành động của Chính phủ.

- *Thất bại của cạnh tranh*
- *Hàng hóa công cộng*
- *Những yếu tố ngoại lai*
- *Thị trường không hoàn hảo*
- *Thất bại về thông tin*
- *Thất nghiệp, lạm phát và mất cân bằng*
- *Những mối quan hệ giữa những thất bại của thị trường*
- *Thất bại của cạnh tranh*

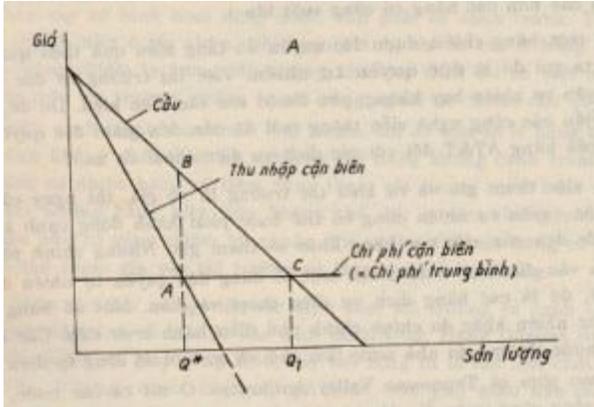
- Để bàn tay vô hình hoạt động được, cần phải có cạnh tranh. Trong một số ngành như ô tô, nhôm, phim chụp ảnh, chỉ có rất ít hãng hoặc một hai hãng chiếm tỷ trọng thị trường khá lớn. (Khi chỉ có một người cung cấp trên thị trường, chúng ta nói rằng người đó độc quyền). Đó là thiếu cạnh tranh mạnh mẽ. Tuy nhiên, chỉ có một số ít hãng trong một ngành không nhất thiết có nghĩa là các hãng không cạnh tranh với nhau. Nếu có nhiều hãng có tiềm năng tham gia (trong nước hoặc nước ngoài) thì những hãng hiện hữu không thể độc quyền; chừng nào các hãng hiện hữu cố gắng chiếm lợi nhuận độc quyền, thì một hãng có tiềm năng có thể tham gia vào thị trường và làm cho giá hạ xuống.
- Khó khăn thứ hai trong việc xác định xem thị trường có cạnh tranh hay không, nảy sinh từ vấn đề xác định thị trường. Hãng Dupont có thể chiếm độc quyền về giấy bóng kính, hay nói rộng ra là các loại chất liệu bóng trong. Nhưng có các loại giấy gói khác, như giấy màu nâu có thể thay thế được và bắt buộc Dupont phải cạnh tranh.
- Khi chi phí vận tải cao thì thị trường tương ứng có thể bị hạn chế về mặt địa lý. Mặc dù có nhiều công ty xi măng ở Hoa Kỳ, người tiêu dùng xi măng ở Dbuque, ở Iowa, vẫn không thể có được giá xi măng tổng hợp rẻ hơn ở Ohio. Nếu chỉ có một hãng xi măng duy nhất ở một vùng nào đó, sẽ không có cạnh tranh (hoặc có thì cũng rất thấp).

- Một số hãng độc quyền do Chính phủ tạo ra. Chính phủ Anh cho Công ty East India quyền đặc biệt trong việc buôn bán với Ấn Độ. Đồng thời, hệ thống quyền sáng chế cho các nhà sáng tạo độc quyền đối với những phát minh của họ trong một thời gian nhất định.
- Trong những trường hợp khác, có những hàng rào hạn chế tham gia, nảy sinh từ cái mà các nhà kinh tế quy cho là tăng lợi nhuận theo quy mô. Đó là những trường hợp khi chi phí sản xuất (cho một đơn vị sản phẩm) giảm theo quy mô sản xuất. Sẽ ít đắt hơn nếu có máy phát điện lớn hơn phục vụ một quận, hơn là cho mỗi phường một máy nhỏ. Do đó, có thể sẽ hiệu quả hơn nếu chỉ có một máy phát điện phục vụ cho cả một thị trường địa phương. Tương tự, có thể sẽ hiệu quả hơn nếu chỉ có một công ty điện thoại phục vụ cho một thị trường, hay một công ty cấp nước (hãy hình dung là việc tăng gấp đôi đường dây điện, dây điện thoại, đường ống nước, nếu mỗi gia đình sử dụng điện thoại, điện, nước của các công ty điện, nước, điện thoại khác nhau). Trong những ngành hiệu quả tăng quy mô, những hãng mới, có sản lượng thấp, sẽ gặp tình trạng chi phí cao hơn các hãng có công suất lớn.
- Khi một hãng chiếm được độc quyền do tăng hiệu quả theo quy mô, chúng ta gọi đó là độc quyền tự nhiên. Việc thị trường có đặc điểm độc quyền tự nhiên hay không, phụ thuộc vào các điều kiện. Do đó, việc phát triển các

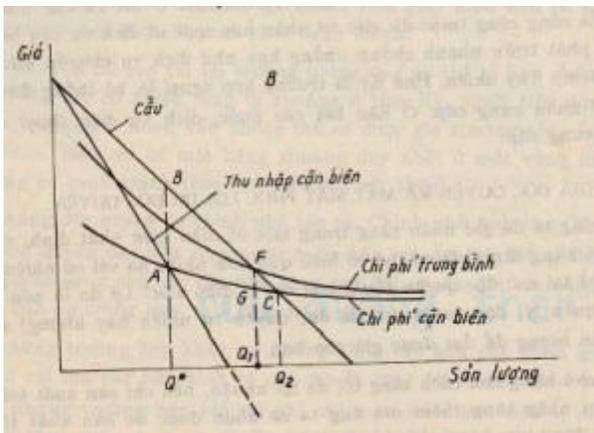
công nghệ viễn thông mới đã dẫn đến giảm độc quyền tự nhiên của hãng AT&T đối với các dịch vụ điện thoại từ xa.

- Nếu việc tham gia và ra khỏi thị trường là vô giá, thì ngay cả các hãng độc quyền tự nhiên cũng có hãng khác sẽ tham gia. Nhưng Chính phủ ít khi dựa vào điều đó. Ở Hoa Kỳ, một số hãng độc quyền tự nhiên đã bị quản lý, đó là các hãng dịch vụ điện thoại và điện. Một số hãng độc quyền tự nhiên khác do chính Chính phủ điều hành trực tiếp. Các công ty cấp nước thường do nhà nước làm chủ và có một số công ty điện dân dụng (bao gồm cả Tennessee Valley Authority). Ở tất cả các nước, bưu điện là công cộng (mặc dù việc tư nhân hóa một số dịch vụ của bưu điện đang phát triển nhanh chóng, chẳng hạn như dịch vụ chuyển bưu phẩm qua đêm). Tuy nhiên, Hoa Kỳ là trường hợp ngoại lệ, hệ thống điện thoại do tư nhân cung cấp. Ở hầu hết các nước, dịch vụ điện thoại do nhà nước cung cấp.
- **Định giá độc quyền và mất mát phúc lợi do độc quyền**
- Chúng ta đã ghi nhận rằng trong một số điều kiện nhất định, việc chỉ có một hãng sản xuất có thể có hiệu quả hơn nhiều so với có nhiều hãng. Vậy thì tại sao độc quyền thường bị coi là điều xấu? Lý do là nếu không được quản lý, độc quyền (dù là độc quyền tự nhiên hay không) sẽ hạn chế sản lượng để đạt được giá cao hơn.

- Vì chủ hãng tìm cách tăng tối đa lợi nhuận, nên chỉ sản xuất tới điểm mà thu nhập tăng thêm mà ông ta sẽ nhận được do sản xuất thêm 1 đơn vị đúng vừa bằng chi phí tăng thêm do sản xuất ra đơn vị tăng thêm đó (tức là chi phí cận biên). Thu tăng thêm mà ông ta nhận được gọi là thu nhập cận biên. Đối với địch thủ cạnh tranh hoàn hảo, thu nhập cận biên chính là giá bán. Nhưng đối với nhà độc quyền thì thu nhập cận biên ít hơn giá bán. Chừng nào nhà độc quyền tăng doanh số, ông ta biết rằng ông ta sẽ phải hạ giá xuống. Thu nhập mà ông ta nhận được do bán thêm 1 đơn vị bằng giá đơn vị đó sẽ ít hơn thu nhập trước, vì việc tăng doanh số làm hạ giá bán tất cả các đơn vị hàng hóa.
- Hình 3.5 miêu tả đường thu nhập cận biên và đường cầu mà nhà độc quyền gặp phải. Ở phần A, chúng ta giả định rằng chi phí cận biên sản xuất là cố định tại tất cả các mức sản lượng. Nhà độc quyền sản xuất ở mức  $Q^*$ , ở đó thu nhập cận biên bằng chi phí cận biên. Rõ ràng sản lượng ở  $Q^*$  thấp hơn ở mức  $Q_1$ , khi giá bằng chi phí cận biên. Lưu ý rằng tại  $Q^*$ , mức giá do việc cá nhân đánh giá đơn vị hàng hóa tăng thêm cao hơn chi phí cận biên. Vì thế chúng ta nói có sự mất mát phúc lợi do hạn chế sản lượng do độc quyền gây ra.



• Hình 3.5A



• Hình 3.5.B

• **Hình 3.5 Định giá độc quyền.**

*Sản lượng độc quyền thấp hơn sản lượng cạnh tranh, hoặc sản lượng mà tại đó lợi nhuận bằng 0.*

*Đó là mất mát phúc lợi.*

- Ở phần B, chúng ta giả định rằng chi phí sản xuất cận biên giảm xuống khi sản lượng tăng; đó chính là điều chúng tôi muốn ngụ ý tăng lợi nhuận theo quy mô. Do chi phí cận biên thấp hơn chi phí trung bình, cho nên giá được định bằng với chi phí cận biên, tại  $Q_2$ , và có thể làm cho hãng bị lỗ.  $Q_1$  là

sản lượng cao nhất, tại mức đó hã ãng hòa vốn, vì tại mức sản lượng này, chi phí trung bình bằng thu nhập trung bình trên 1 đơn vị sản phẩm (là giá).

Việc sản lượng có hiệu quả Pareto hay không khi sản lượng là  $Q_2$ , hay ở mức nào đó thấp hơn, phụ thuộc vào việc lỗ của hã ãng sẽ được bù đắp như thế nào. Nói chung, chúng ta chỉ có thể nói rằng sản lượng hiệu quả sẽ nằm ở khoảng giữa  $Q_1$  và  $Q_2$ . Tuy nhiên, nhà độc quyền sẽ tiếp tục hạn chế sản lượng, xuống tới mức  $Q^*$ . Một lần nữa lại bị mất phúc lợi do sự hạn chế này. Ở Chương 18, chúng tôi sẽ chỉ ra việc đo sự mất phúc lợi này như thế nào do hạn chế sản lượng của độc quyền.

cuu duong than cong. com

- [Hàng hóa công cộng](#)

Một số hàng hóa có thể không do thị trường cung cấp, hoặc nếu thị trường cung cấp thì có thể cung cấp không đủ số lượng. Ví dụ ở quy mô lớn như quốc phòng; ở quy mô nhỏ như cứu trợ hàng hải (chẳng hạn như phao biển). Đây là những HHCC thuần túy.

Chúng có hai đặc điểm quan trọng:

Thứ nhất, chúng không bắt cá nhân nào phải trả tiền thêm khi hưởng lợi HHCC. Về hình thức, chi phí cận biên bằng không khi có thêm một người sử dụng hàng hóa này. Chi phí quốc phòng của một nước có 1 triệu người. Chi phí của một cây hải đăng không phụ thuộc chút nào vào số lượng tàu đi qua đó.

Thứ hai, nói chung thật là khó hoặc không thể không cho các cá nhân hưởng HHCC. Nếu tôi đặt một cây hải đăng trên một kênh đá nào đó để tàu của tôi đi lại an toàn, thì khó có thể không cho tàu của người khác hưởng khi chúng đi qua kênh đó. Nếu chính sách quốc phòng của chúng ta thành công trong việc làm trệch hướng tấn công của nước ngoài thì tất cả chúng ta đều được hưởng; không có cách nào để có một cá nhân nào không được hưởng.

Thị trường hoặc không thể cung cấp, hoặc không thể cung cấp đủ HHCC thuần túy. Hãy xem xét ví dụ về cây đèn biển. Chủ tàu lớn có nhiều tàu có thể quyết định rằng những lợi ích mà ông ta nhận được từ đèn biển cao hơn chi phí; nhưng khi tính toán nên đặt bao nhiêu cây đèn, ông ta chỉ cần nhắc xem mình sẽ nhận bao nhiêu lợi mà không tính xem người khác được lợi bao nhiêu. Do đó sẽ có một số đèn biển mà tổng số lợi (tính đến tất cả số tàu có thể cần dùng đến chúng) sẽ cao hơn chi phí, nhưng lợi ích cho mỗi con tàu có thể thấp hơn chi phí. Những cây hải đăng này có thể sẽ không được xây dựng, và như vậy là không có hiệu quả. Việc

thị trường tư nhân không thể cung cấp, hoặc cung cấp không đủ HHCC, là lý do để Chính phủ hành động.

### Những yếu tố ngoại lai

Có nhiều trường hợp hành động của một người hay một hãng có ảnh hưởng đến người khác hay hãng khác, khi một hãng gây ra thiệt hại cho hãng khác nhưng lại không bồi thường cho hãng đó, hoặc ngược lại, một hãng đem lại lợi cho hãng khác nhưng lại không nhận được sự trọng thưởng vì đã đem lại lợi ích đó.

Có lẽ ví dụ được bàn đến nhiều trong những năm vừa qua là ô nhiễm không khí và nước. Khi tôi lái một chiếc xe không trang bị phương tiện kiểm soát ô nhiễm, tôi đã làm giảm chất lượng không khí. (Tất nhiên, ảnh hưởng đến chất lượng không khí do một người gây ra có thể rất nhỏ, nhưng khi nhiều người gây ra thì ảnh hưởng đó sẽ rất lớn). Như vậy, tôi đã gây hại cho những người khác. Tương tự, nhà máy hóa chất nằm trên thượng nguồn thải chất hóa học ra dòng sông đã gây tác hại cho những người sử dụng nước dưới hạ nguồn. Họ có thể phải bỏ ra một số tiền lớn để làm sạch nước khi dùng.

Những ví dụ về việc hàng động của một người gây tác hại cho những người khác gọi là yếu tố ngoại lai tiêu cực. Nhưng không phải tất cả yếu tố ngoại lai đều tiêu cực. Có nhiều ví dụ về yếu tố ngoại lai tích cực, khi hành động của một người đem

lại lợi ích cho những người khác. Nếu tôi trồng 1 vườn hoa đẹp trước cửa nhà mình, hàng xóm của tôi có thể được lợi là ngắm nhìn. Vườn táo có thể đem lại tác động tích cực cho hàng xóm nuôi ong. Một người làm lại nhà trong một phường đang bị xuống cấp có thể đem lại lợi ích cho hàng xóm của anh ta.

Còn có nhiều ví dụ khác về yếu tố ngoại lai: ví dụ việc có thêm xe hơi trên một đường cao tốc đông xe cộ có thể làm tăng tắc nghẽn đường, và tăng khả năng xảy ra tai nạn. Khi có thêm một người câu trong một cái ao, người này sẽ làm giảm lượng cá mà những người khác có thể câu được. Nếu có một giếng dầu được khoan trong cùng một khu vực, việc lấy đi một lượng dầu lớn của một giếng có thể làm giảm lượng dầu có thể hút lên từ các giếng khác. Khi nào có những yếu tố ngoại lai như vậy, việc phân bổ các nguồn lực của thị trường có thể không có hiệu quả. Do các cá nhân không chịu toàn bộ chi phí của các yếu tố ngoại lai tiêu cực mà họ gây ra, họ sẽ tham gia vào nhiều hoạt động như vậy. Ngược lại, do các cá nhân không hưởng trọn vẹn lợi ích của các hoạt động đem lại các yếu tố ngoại lai tích cực, họ sẽ tham gia vào rất ít các hoạt động này. Do đó, người ta cho rằng nếu không có sự can thiệp như vậy của Chính phủ thì mức độ ô nhiễm sẽ rất cao. Nói một cách khác, kiểm soát ô nhiễm là yếu tố ngoại lai tích cực, do đó thiếu sự can thiệp của Chính phủ thì việc kiểm soát ô nhiễm không thực hiện được.

Các Chính phủ giải quyết vấn đề yếu tố ngoại lai theo những cách khác nhau. Trong một số trường hợp (mà chủ yếu liên quan đến yếu tố tiêu cực) Chính phủ cố gắng điều hành hoạt động này, ví dụ, Chính phủ đề ra những tiêu chuẩn đối với ô tô và áp dụng các quy chế ô nhiễm không khí và nước của hãng.

Chính phủ có thể sử dụng hệ thống giá cả, bằng cách áp đặt hình phạt đối với yếu tố ngoại lai tiêu cực và thưởng đối với yếu tố ngoại lai tích cực; các cá nhân phải nhận thấy lợi và hại mà họ đã đem lại và gây ra cho người khác. Do đó, Chính phủ có thể áp dụng hình thức phạt theo tỷ lệ gây ra ô nhiễm hơn là điều tiết mức sản xuất ô tô. Bằng cách bắt nộp lệ phí sử dụng đường, ít nhất là vào giờ cao điểm, Chính phủ có thể bắt người sử dụng đường ý thức được về chi phí tắc nghẽn mà họ đã gây ra cho người khác.

### *Thị trường không hoàn hảo*

Hàng hóa và dịch vụ công cộng thuần túy không chỉ là những hàng hóa và dịch vụ thị trường không thể cung cấp một cách đầy đủ. Chừng nào các thị trường tư nhân không thể đảm bảo cung cấp hàng hóa và dịch vụ, mặc dù chi phí cung cấp thấp hơn chi phí mà các cá nhân có thể trả, thì có sự thất bại của thị trường mà chúng tôi gọi là thị trường không hoàn hảo. (Một thị trường hoàn hảo có thể cung cấp tất cả hàng hóa và dịch vụ mà chi phí của chúng thấp hơn giá mà mọi người sẵn sàng trả). Một số nhà kinh tế cho rằng, thị trường tư nhân đã được thực hiện một công

việc rất kém trong việc cung cấp bảo hiểm và cho vay, và đây chính là cơ sở để có các hoạt động của Chính phủ.

## **Thị trường bảo hiểm**

Thị trường tư nhân không cung cấp bảo hiểm cho nhiều rủi ro quan trọng mà mọi người gặp phải, mặc dù thị trường bảo hiểm ngày nay đã tốt hơn rất nhiều so với 75 năm trước đây. Chính phủ đã phải thực hiện nhiều chương trình bảo hiểm, mà ít ra cũng là do sự thất bại của thị trường. Năm 1933, tiếp theo sự thất bại của hệ thống ngân hàng trong cuộc Đại suy thoái, Chính phủ đã thành lập Công ty bảo hiểm Tiền gửi liên bang. Ngân hàng trả tiền đóng bảo hiểm cho công ty hàng năm, và tiền này dùng để bảo hiểm tiền gửi bị lỗ do ngân hàng không trả được nợ. Chính phủ cũng rất tích cực trong việc bảo hiểm lũ lụt. Sau cuộc náo loạn mùa hè năm 1967, hầu hết các công ty bảo hiểm tư nhân đều từ chối bảo hiểm hỏa hoạn trong một số vùng nội thành, và Chính phủ lại phải đứng ra làm việc này.

Mặc dù việc thiếu thị trường bảo hiểm tư nhân thích hợp có thể là luận cứ chính trị để có chương trình bảo hiểm công cộng, một số chương trình bảo hiểm công được xây dựng nhằm chuyển các nguồn lực (một cách trá hình) cho những đối tượng được hưởng lợi chương trình. Nếu mục tiêu duy nhất và chủ yếu của chương trình là bảo hiểm, thì chương trình sẽ được xây dựng và được trả theo cách rất khác.

Ví dụ, chương trình sẽ được xây dựng và được trả theo cách rất khác. Ví dụ, một luận cứ để có chương trình nông nghiệp của Chính phủ là nông dân gặp những rủi ro lớn do dao động lên xuống của giá cả, mà họ thì không thể mua bảo hiểm những rủi ro này. Chương trình trợ giá của Chính phủ sẽ giúp nông dân giảm được những rủi ro đó.

Nhưng những chương trình nông nghiệp của chúng ta không chỉ trợ giá cho nông dân, mà còn là tăng thu nhập trung bình một cách đáng kể cho nông dân. Chỉ một phần của món quà này được phản ánh trong ngân sách Chính phủ. Phần còn lại được phản ánh trong giá cả cao hơn mà người tiêu dùng phải trả để mua nông sản. Nếu mục tiêu thực của chương trình trợ giá là trợ cấp thu nhập cho nông dân nhằm giúp họ giảm thiểu rủi ro, thì có những cách để làm việc đó có hiệu quả hơn và ít tốn kém hơn. Ví dụ, Chính phủ có thể bảo hiểm giá cá, theo mức phản ánh chính xác chi phí cung cấp bảo hiểm đó.

## **Thị trường vốn**

Trong những năm vừa qua, Chính phủ đã đóng vai trò tích cực không chỉ trong việc tìm cách khắc phục những khiếm khuyết của thị trường rủi ro, mà còn cải thiện ảnh hưởng của thị trường vốn không hoàn hảo. Trước năm 1965, các cá nhân đã gặp khó khăn trong việc vay tiền để trang trải chi phí cho cao học. Vào năm đó, Chính phủ đã thông qua quy định cấp bảo lãnh cho tiền vay của sinh viên. Khi

chương trình được mở rộng vào những năm 1970, mục tiêu ban đầu là cho sinh viên vay tiền đã nhập vào mục tiêu thứ hai là trợ cấp giáo dục: tiền lãi thường thấp hơn nhiều so với lãi suất thị trường.

Nhưng đây chỉ là một trong một số chương trình cho vay của Chính phủ. Hiệp hội thế chấp quốc gia liên bang cấp vốn để thế chấp nhà (gọi là Fanny Maes); Chính phủ cấp vốn cho nông dân vay; Ngân hàng xuất nhập khẩu cấp vốn vay cho các doanh nghiệp tham gia thương mại quốc tế; cơ quan quản lý doanh nghiệp nhỏ cấp vốn vay cho các doanh nghiệp nhỏ, v.v... Trong mỗi trường hợp đó đều có những lý do là việc vay được ở thị trường tín dụng bị hạn chế trước khi áp dụng các chương trình của Chính phủ.

### **Thị trường phụ trợ**

Cuối cùng, chúng tôi trở lại vấn đề thiếu thị trường phụ trợ. Giả sử tất cả mọi người đều thích uống cà phê có đường, không có đường thì cà phê sẽ đắng và không thể uống được. Hơn nữa, giả định rằng không có thị trường đường nếu không có cà phê. Do đó, một nhà kinh doanh dự định sản xuất cà phê, nhưng vì đường không được sản xuất, nên đã quyết định không sản xuất cà phê nữa, vì sẽ không bán được. Và một người kinh doanh khác cũng tính xem có sản xuất đường không, nhưng do không sản xuất cà phê nên anh ta cũng sẽ không sản xuất đường nữa, vì biết rằng sẽ không bán được. Tuy nhiên, nếu hai nhà kinh doanh kết hợp lại thì sẽ có một thị

trường tốt cho cà phê và đường. Mỗi một hành vi đơn độc có thể không theo đuổi được lợi ích công cộng, nhưng nếu cùng hành động thì có thể được.

Ví dụ cụ thể đó rất đơn giản, và trong trường hợp này, sự phối hợp (giữa người có khả năng sản xuất đường và người sản xuất cà phê) có thể thực hiện giữa các cá nhân mà không cần đến sự can thiệp của Chính phủ. Song, cũng có nhiều trường hợp cần phối hợp trên quy mô lớn, đặc biệt là ở các nước kém phát triển, và việc này có thể đòi hỏi kế hoạch của Chính phủ. Những lý do tương tự cũng được đưa ra làm cơ sở cho các chương trình đổi mới nông thôn của nhà nước. Để tái thiết những khu vực lớn của thành phố, đòi hỏi sự phối hợp giữa các nhà máy, các nhà buôn bán lẻ, các chủ nhà cho thuê và các doanh nghiệp khác. Một trong những mục tiêu của các cơ quan phát triển của Chính phủ là đảm bảo sự phối hợp (nếu thị trường hoàn hảo, thì giá cả thị trường có thể thực hiện chức năng “phối hợp” này).

Cần phải rất thận trọng trong việc phân tích sự đáp ứng thích hợp của Chính phủ với thị trường không hoàn hảo. Có thể có những lý do tốt là các nhà sản xuất tư nhân không thể cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cụ thể. Có thể có những chi phí giao dịch lớn khi cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ đó. Ngân hàng có thể không cấp một số loại tiền vay, vì có khả năng không trả được nợ, và khả năng đó cao đến mức để thu được số lợi nhuận tương tự trên các vốn cho vay khác, ngân hàng phải tăng tỷ suất lãi rất cao, làm cho nhu cầu vay giảm đi.

- [Thất bại về thông tin](#)
- Nhiều hoạt động của Chính phủ được thúc đẩy bởi thông tin không hoàn hảo về người tiêu dùng, và cho rằng bản thân thị trường cung cấp quá ít thông tin. Ví dụ năm 1968, Chính phủ đã thông qua Đạo luật cho vay trên cơ sở tín chấp (Truth-in-Lending Bill) đòi hỏi những người cho vay về lãi suất thực trên số tiền vay của họ. Ủy ban Thương mại Liên bang và Cục Quản lý Thực phẩm và Tân dược đều đã thực hiện nhiều quy chế về nhãn mác, công bố thành phần sản phẩm, v.v.. Đồng thời, Ủy ban Thương mại Liên bang đã đề nghị những người bán lẻ xe hơi đã dùng rồi phải công bố xem họ đã kiểm tra những bộ phận khác nhau của xe chưa, và nếu đã thì kết quả kiểm tra là gì. Những quy chế này đã gây ra nhiều tranh cãi, và dưới sức ép của Quốc hội, Ủy ban Thương mại Liên bang đã buộc phải ngừng việc này.
- Những người phản đối các quy chế về công bố thông tin này đồng ý rằng chúng không cần thiết (thị trường hoàn hảo cung cấp đủ động cơ để các hãng công khai những thông tin thích hợp), không phù hợp (người tiêu dùng đòi hỏi rất ít thông tin mà luật pháp quy định phải công khai), và tốn kém cho cả Chính phủ là người quản lý lẫn cho các hãng là người phải thực hiện luật pháp. Những người ủng hộ cho rằng, mặc dù khó quản lý một cách có hiệu quả, nhưng những quy chế này vẫn rất hữu dụng.

- Tuy vậy, vai trò của Chính phủ trong việc bù đắp những thất bại về thông tin còn vượt quá những biện pháp thông thường đó để bảo vệ người tiêu dùng. Về nhiều khía cạnh, thông tin là hàng hóa công cộng. Việc cung cấp thông tin cho thêm một người không làm giảm lượng thông tin mà những người khác nhận được. Hiệu quả đòi hỏi thông tin phải được phổ biến không mất tiền hoặc, chính xác hơn, là chỉ phải trả tiền cho việc chuyển thông tin đó. Thị trường tư nhân thường cung cấp thông tin một cách không hợp lý, cũng giống như khi nó cung cấp những hàng hóa công cộng khác. Ví dụ dễ nhận thấy nhất về hoạt động của Chính phủ trong lĩnh vực này là Cục Thời tiết của Hoa Kỳ. Một ví dụ nữa là việc cơ quan giám sát bờ biển Hoa Kỳ cung cấp thông tin cho tàu biển.

### *Thất nghiệp, lạm phát và mất cân bằng*

Có thể, những triệu chứng được công nhận rộng rãi nhất về “[thất bại của thị trường](#)” là những cảnh thất nghiệp cao định kỳ, của cả công nhân lẫn máy móc, là bệnh dịch của các nền kinh tế tư bản trong vòng hai thế kỷ qua. Mặc dầu những suy thoái và trì trệ này đã trở nên rất khiêm tốn kể từ sau Thế chiến thứ hai, và có thể là do các chính sách của Chính phủ, tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn trên 10% năm 1982; tuy nhiên, vẫn là thấp so với [thời kỳ Đại suy thoái ở Mỹ](#) là 24%.

Hầu hết các nhà kinh tế đều lấy tỷ lệ thất nghiệp cao này làm bằng chứng hiển nhiên là trong thị trường có một cái gì đó làm việc không tốt. Đối với một số nhà kinh tế, thất nghiệp cao là bằng chứng năng động và có tính thuyết phục nhất về thất bại của thị trường.

Việc thị trường không thể tạo ra toàn dụng nhân công, một thất bại nghiêm trọng của thị trường, không tự nói lên rằng có vai trò của Chính phủ. Cần phải nói thêm rằng, có các chính sách để Chính phủ cải thiện hoạt động của nền kinh tế. Vấn đề này là chủ đề tranh luận từ lâu nay.

Những vấn đề nảy sinh từ thất nghiệp và lạm phát rất quan trọng và đủ phức tạp đến mức xứng đáng mở một khóa học riêng của kinh tế học vĩ mô (macro). Nhưng chúng tôi chỉ đề cập tới một số khía cạnh của những vấn đề này ở Chương 28; trong chương đó chúng tôi quan tâm đến hậu quả thâm hụt của Chính phủ và cố gắng nghiên cứu một số cách thức quan trọng mà những cân nhắc kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng đến xây dựng chính sách thuế.

- [\*Những mối quan hệ giữa những thất bại của thị trường\*](#)

Những thất bại thị trường mà chúng ta đã bàn đến không loại trừ lẫn nhau.

Những vấn đề thông tin thường là một phần của lý do mất thị trường. Đến

lượt mình, các yếu tố ngoại lai cũng thường được coi là do bị mất thị trường: nếu một ngư dân phải nộp lệ phí sử dụng khu vực đánh cá – nếu có thị trường quyền đánh cá – thì sẽ không bao giờ xảy ra trường hợp đánh bắt cá quá mức. Hàng hóa công cộng đôi khi được quan niệm là một trường hợp cực đơn của yếu tố ngoại lai, khi những người khác được lợi từ việc sản xuất hàng hóa của tôi cũng nhiều như tôi được hưởng lợi của họ. Thực vậy, phần lớn những nghiên cứu vừa qua đã thất nghiệp đều cố gắng gắn thất nghiệp một trong những thất bại của thị trường.

### [Phân phối lại và hàng hóa khuyến dụng: Hai cơ sở tiếp theo để có hành động của chính phủ](#)

Những nguyên nhân trên đây về [thất bại của thị trường](#) làm cho nền kinh tế phi hiệu quả khi không có sự can thiệp của Chính phủ, tức là nền kinh tế thị trường, và nếu để nền kinh tế đó tự vận hành thì sẽ không có [hiệu quả Pareto](#). Nhưng ngay cả khi nền kinh tế có hiệu quả Pareto, vẫn có hai lý do tiếp theo để Chính phủ can thiệp.

Thứ nhất là phân phối thu nhập. Việc nền kinh tế Pareto chưa nói được điều về phân phối thu nhập; thị trường cạnh tranh có thể gây ra phân phối thu nhập không công bằng; nó có thể dành cho một số người quá ít nguồn để họ có thể sinh sống. Một trong những hoạt động quan trọng nhất của Chính phủ là phân phối thu nhập.

Đây là mục tiêu cấp bách để có các hoạt động phúc lợi, như chương trình trợ giúp các gia đình đông con. Việc chúng ta nghĩ một cách có hệ thống như thế nào về vấn đề phân phối là chủ đề của chương tiếp theo.

Lý do thứ hai để Chính phủ can thiệp vào nền kinh tế có hiệu quả Pareto nảy sinh từ vấn đề là cá nhân có thể không hành động vì mục tiêu tốt nhất của mình. người ta thường lập luận rằng việc đánh giá phúc lợi của mỗi cá nhân theo trực giác của riêng anh ta, như là với tiêu chuẩn hiệu quả Pareto – là tiêu chuẩn không thích hợp hoặc không đầy đủ đối với việc đánh giá phúc lợi.

Ngay cả khi có đầy đủ thông tin, người tiêu dùng vẫn có thể có những quyết định “tồi”. Mọi người vẫn tiếp tục hút thuốc mặc dầu hút thuốc có hại cho họ, và mặc dầu họ biết điều đó. Mọi người không chịu thắt dây an toàn, mặc dù biết rằng thắt dây sẽ tăng khả năng sống khi xảy ra tai nạn, và thậm chí biết được tác dụng của dây an toàn. Nhiều người vẫn tiếp tục mua ngũ cốc ăn sáng có nhiều đường, mặc dầu họ biết rằng nhiều vấn đề nghiêm trọng đã được đặt ra về giá trị dinh dưỡng của ngũ cốc đối với con cái họ. Có những người cho rằng Chính phủ nên can thiệp vào những trường hợp này, khi mà các cá nhân không làm cái vì lợi ích tốt nhất của họ; loại can thiệp này là hành vi mạnh mẽ hơn việc chỉ đơn giản cung cấp thông tin – Những hàng hóa mà chính phủ bắt buộc mọi người phải sử dụng, như dây an toàn, giáo dục cơ sở, gọi là hàng hóa khuyến dụng.

Quan điểm này cho rằng Chính phủ nên can thiệp vì Chính phủ biết cái gì có lợi nhất đối với con người hơn là chính họ, được gọi là thói gia trưởng. Khác với quan điểm gia trưởng, nhiều nhà kinh tế và triết gia xã hội cho rằng Chính phủ nên tôn trọng ý thích cá nhân. Với quyền hạn nào mà những người chống lại vai trò gia trưởng của Chính phủ đặt câu hỏi là, liệu một nhóm người có thực sự có khả năng áp đặt ý muốn và ý thích đối với nhóm người khác không? Mặc dù cũng có những trường hợp mà vai trò gia trưởng của Chính phủ cũng có lợi, nhưng các nhà kinh tế lập luận rằng thật khó có thể phân biệt các trường hợp. Và họ lo lắng một khi Chính phủ đã đảm nhận vai trò đó rồi, những nhóm có quyền lợi đặc biệt sẽ cố lạm dụng Chính phủ để tiếp tục thực hiện quan điểm của riêng mình buộc các cá nhân phải hành động như thế nào hoặc phải tiêu dùng cái gì.

Lập luận của phái gia trưởng ủng hộ hoạt động của Chính phủ hoàn toàn khác với lập luận rằng hút thuốc gây ung thư, và vì những người bị ung thư được chữa bệnh ở bệnh viện công và được nhà nước trợ cấp, vì thế mà người hút thuốc gây ra tác hại đối với những người không hút. Tuy nhiên, có thể giải quyết vấn đề này bằng cách bắt những người nghiện thuốc phải trả toàn bộ chi phí, ví dụ như đánh thuế thuốc lá. Hoặc giả như người hút thuốc trong phòng đông người thực sự gây tác hại cho người không hút. Việc này có thể giải quyết được. Những người thuộc quan điểm gia trưởng có thể lập luận rằng, mọi người không được hút thuốc ngay cả trong nhà họ, và ngay cả khi đã đánh thuế thì thuế đó cũng cộng cả tác hại mà

người hút thuốc gây ra cho cả người không hút. Mặc dù ít người chấp nhận quan điểm vai trò gia trưởng đối với hút thuốc, nhưng vai trò gia trưởng này chắc là một vấn đề qua trọng trong nhiều lĩnh vực, chẳng hạn như chính sách của Chính phủ về tân dược và rượu, cũng như phổ cập giáo dục phổ thông.

## Hai cách đánh giá về vai trò của chính phủ

Ở chương 1, chúng ta đã thấy là có hai cách phân tích hoạt động của khu vực công cộng: phương pháp chuẩn tắc, tập trung vào những việc mà Chính phủ nên làm; và phương pháp thực chứng, tập trung vào miêu tả và giải thích cả những việc mà Chính phủ nên làm và hậu quả của việc đó là gì. Bây giờ chúng ta sẽ bàn về thất bại của thị trường, phân phối và hàng hóa khuyến dụng với hai phương pháp phân tích đó.

### **Phân tích chuẩn tắc**

Những định lý cơ bản của kinh tế học phúc lợi rất hữu dụng, bởi vì chúng phác họa vai trò của Chính phủ. Khi không có thất bại của thị trường và hàng hóa khuyến dụng, tất cả những gì Chính phủ cần phải làm là chăm lo phân phối thu nhập (các nguồn lực). Hệ thống doanh nghiệp tư nhân đảm bảo để các nguồn lực được sử dụng một cách có hiệu quả.

Nếu có những thất bại của thị trường (như cạnh tranh không hoàn hảo, thông tin không đầy đủ, thị trường không hoàn hảo, các yếu tố ngoại lai, hàng hóa công cộng và thất nghiệp) thì có thể dự đoán rằng thị trường sẽ không có hiệu quả Pareto. Điều đó cho thấy vai trò của Chính phủ là cần thiết. Nhưng có hai đặc điểm quan trọng.

Thứ nhất, cần phải chỉ ra rằng, ít nhất là về nguyên tắc, có một cách thức nào đó để can thiệp vào thị trường làm cho mọi người cũng được lợi mà không làm cho ai bị thiệt thòi, đó là thực hiện cải thiện Pareto. Thứ hai, cần phải chỉ ra rằng khi cố gắng sửa đổi khiếm khuyết của thị trường, thì các quá trình chính trị và các cơ cấu hành chính quan liêu của xã hội dân chủ không thể can thiệp vào cải thiện Pareto đã được đề ra.

Tuy nhiên, việc có thể có các chính sách cải thiện Pareto, không nhất thiết là cơ sở để Chính phủ can thiệp. Đồng thời chúng ta cũng phải cân nhắc hậu quả của Chính phủ ở bất kỳ dạng nào với bản chất nhất định của quá trình chính trị. Sự phân biệt giữa Chính phủ lý tưởng và Chính phủ thực tế không có vai trò gì trong thảo luận của chúng ta về hai định lý cơ bản về kinh tế phúc lợi. Trong cuộc thảo luận đó, chúng tôi đã chỉ ra rằng khi không có thất bại của thị trường thì ngay cả một Chính phủ lý tưởng cũng không thể nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Ngày nay, đứng trước những thất bại đó của thị trường, chúng ta phải tìm hiểu xem Chính phủ

sẽ hành động thế nào nếu chúng ta phải đánh giá liệu hành vi của Chính phủ có chữa được các thất bại của thị trường hay không.

Những năm 1960, người ta thường lấy sự thất bại của thị trường để chỉ ra rằng chương trình của Chính phủ có thể dẫn đến cải thiện Pareto (một số người có thể được lợi mà không làm cho người khác bị thiệt), và kết luận rằng chính vì thế mà cần đến sự can thiệp của Chính phủ. Khi các chương trình được đưa vào thực hiện và không đạt được điều mong muốn thì tội lại đổ lên đầu những nhà quan liêu hành chính hoặc do xáo trộn chính trị. Nhưng, như chúng ta sẽ thấy ở Chương 6 và chương 7, ngay cả các quan chức lẫn các chính khách nếu có những hành vi trung thực, thì bản chất của Chính phủ vẫn có thể giúp giải thích những thất bại của Chính phủ.

Các chương trình công cộng, ngay cả những chương trình nhằm giảm thất bại thị trường, được đề ra trong các nền dân chủ là do các quá trình phức tạp, chứ không phải do các Chính phủ lý tưởng hoặc do những kẻ chuyên quyền nhân từ nào cả.

### **Phân tích thực chứng**

Phương pháp phân tích về thất bại của thị trường đối với việc tìm hiểu vai trò của Chính phủ, chủ yếu là phương pháp thông qua phân tích thực chứng. Phương pháp

phân tích thất bại thị trường đã tạo cơ sở để nhận biết những tình huống mà Chính phủ cần làm một điều gì đó, sau khi và cân nhắc những thất của Chính phủ.

Một số nhà kinh tế cho rằng, các nhà kinh tế nên chú trọng không phải vào phân tích chuẩn tắc mà vào phân tích thực chứng, vào việc mô tả hậu quả các chương trình của Chính phủ và bản chất của các quá trình chính trị.

Tính phổ biến của phương pháp phân tích thất bại thị trường đã làm cho nhiều chương trình được chuẩn y theo thuật ngữ thất bại thị trường. Nhưng đó chỉ đơn giản là tu từ học. Thường có sự khác nhau lớn giữa mục tiêu đã định của một chương trình (đó là sửa chữa trục trặc thị trường) và việc thiết kế chương trình. Tu từ chính trị có thể thất bại của thị trường để đảm bảo khỏi vị giá cả thường hay thay đổi và hậu quả đối với nông trại quy mô nhỏ, nhưng các chương trình nông nghiệp của Chính phủ trên thực tế lại có thể chuyển thu nhập cho nông trại lớn. Có thể hiểu được nhiều hơn về các lực lượng chính trị trong thực tế và mục tiêu thực của các chương trình, bằng cách nghiên cứu xem chúng được xây dựng và thực hiện như thế nào, hơn là nghiên cứu mục tiêu đã định trước theo luật.

Một số ít nhà kinh tế có quan điểm cực đoan cho rằng phân tích chuẩn tắc là không phù hợp. Họ đặt ra câu hỏi: Những nhận định về việc Chính phủ nên làm gì có mức độ phù hợp như thế nào? Cũng giống như người ta có thể miêu tả về sự cân bằng thị trường mà không cần tham khảo xem “nên” phân bổ các nguồn lực như thế nào,

người ta cũng có thể miêu tả sự cân bằng chính trị mà không cần biết Chính phủ nên làm gì. Kết quả phụ thuộc vào quy tắc quá trình chính trị, những động cơ của những người tham gia vào quá trình đó, v.v... Nếu người ta hiểu đầy đủ bản chất của Chính phủ, thì sẽ hiểu hoàn toàn cái mà Chính phủ sẽ làm. Có rất ít cơ hội để bàn về điều chính phủ nên làm.

Tuy có điều gì đó đúng sự thật trong quan điểm này, nó vẫn rất cực đoan: những bàn luận của các nhà kinh tế (và cả những người khác) về vai trò mà Chính phủ “nên” giữ là một phần quan trọng của quá trình chính trị trong nền dân chủ hiện đại. Nhiều nhà lập pháp xác nhận rằng, như vậy là họ thường xuyên tìm kiếm sự giúp đỡ của các nhà kinh tế của các nhà kinh tế chống lại thuế quan, hạn ngạch và các hạn chế buôn bán khác, tuy không phải lúc nào cũng được chấp nhận, nhưng cũng đã có tác động quan trọng đối với phạm vi hạn chế thương mại.

## Tổng kết

Phần này tóm tắt các nội dung của Chương 3.

1. Phân bổ nguồn lực có đặc điểm là không ai có thể được lợi mà cũng không làm cho ai đó bị thiệt gọi là phân bổ có hiệu quả Pareto.

2. Trong một số điều kiện nhất định, thị trường cạnh tranh đem lại phân bổ nguồn lực có hiệu quả Pareto. Khi các điều kiện cần thiết không được đảm bảo thì đó là căn cứ để Chính phủ can thiệp vào thị trường.
3. Có sáu lý do tại sao cơ chế thị trường không đem lại phân bổ nguồn lực có hiệu quả Pareto: thất bại của cạnh tranh; hàng hóa công cộng; yếu tố ngoại lai; thị trường không hoàn hảo; thất bại thông tin và thất nghiệp.
4. Ngay cả khi thị trường có hiệu quả Pareto, vẫn có hai cơ sở nữa để Chính phủ hành động: Thứ nhất, thị trường cạnh tranh có thể là lý do phân phối thu nhập không khả dĩ về mặt xã hội. Thứ hai, một số người cho rằng ngay cả khi được thông tin đầy đủ, các cá nhân vẫn không đưa ra được đánh giá tốt về những hàng hóa mình dùng, cho nên, đó là cơ sở để điều tiết hạn chế tiêu dùng một số hàng hóa và để cung cấp công cộng một số hàng hóa khác – gọi là hàng hóa khuyến dụng.
5. Mặc dầu việc có thất bại của thị trường ngụ ý rằng Chính phủ có thể hành động, song điều đó không có nghĩa là một chương trình cụ thể nhằm sửa chữa thất bại của thị trường không nhất thiết là khả dĩ. Để đánh giá các chương trình của Chính phủ, cần phải tính đến không chỉ riêng các mục tiêu, mà cả cách thực hiện các chương trình đó.

*Chương 3 đã trình bày các khái niệm cơ bản dưới đây:*

Bàn tay vô hình: Invisibile hand

Các định định lý cơ bản về kinh tế học phúc lợi: Fundamental theorems of welfare economics

Phân bổ nguồn lực có hiệu quả Pareto: Pareto-efficient resource allocation

Đường khả năng hữu dụng: Utility possibilities curve

Cơ chế thị trường phân cấp: Decentralized market mechanism

Tỷ lệ thay thế cận biên: Marginal rate of substitution

Hàm sản xuất: Production function

Tỷ lệ chuyển đổi cận biên: Marginal rate of transformation

Chi phí cận biên: Marginal cost

Lợi ích cận biên: Marginal benefit

Lợi nhuận theo quy mô: Returns to scale

Độc quyền tự nhiên: Natural monopoly

Thu nhập cận biên: Marginal revenue

Hàng hóa công cộng: Public goods

Yếu tố ngoại lai: Externalities

Thị trường không hoàn hảo: Incomplete markets

Hàng hóa khuyến dụng: Merit goods.

*Phần này đặt ra các câu hỏi và vấn đề giúp người đọc nhớ lại những nội dung của Chương 3.*

1. Đối với mỗi chương trình sau đây, hãy thảo luận xem những thất bại nào của thị trường có thể là một phần căn cứ:

- a) Yêu cầu thắt dây an toàn trên ô tô
- b) Quy chế về ô nhiễm do ô tô
- c) Quốc phòng
- d) Bồi thường thất nghiệp
- e) Chăm sóc y tế (cho người có tuổi)
- f) Trợ cấp y tế (cho người nghèo)
- g) Công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang

h) Thẻ chấp do liên bang bảo hiểm

i) Luật yêu cầu chủ cho vay nêu công khai lãi suất thực (luật về lãi suất thực)

j) Cục khí tượng quốc gia

k) Đổi mới thành thị

l) Bru điện

m) Chính phủ nghiêm cấm dùng thuốc mê

n) Kiểm soát tiền cho thuê nhà

[cuuduongthancong.com](http://cuuduongthancong.com)

2. Nếu mục đích chủ yếu của các chương trình đối đây của Chính phủ trong mỗi lĩnh vực là giảm một số thất bại nào đó của thị trường thì chương trình đó được xây dựng như thế nào là tốt nhất?

a) Trợ giá nông nghiệp

b) Hạn ngạch nhập khẩu (trong những năm 1950)

[cuuduongthancong.com](http://cuuduongthancong.com)

c) Quy chế về thuế đặc biệt đối với các ngành năng lượng

3. Nhiều chương trình của Chính phủ có thể vừa phân phối lại thu nhập vừa sửa chữa trục trặc của thị trường? Những thất bại nào của thị trường liên quan đến mỗi

chương trình sau, và chúng sẽ được giải quyết thế nào nếu như không có các mục tiêu phân phối?

- a) Chương trình cho sinh viên vay
- b) Giáo dục tiểu học công cộng
- c) Hỗ trợ của nhà nước cho các trường đại học
- d) Bảo trợ xã hội.

### Phụ trương: Hiệu quả Pareto và cân bằng cạnh tranh – phân tích bằng biểu đồ

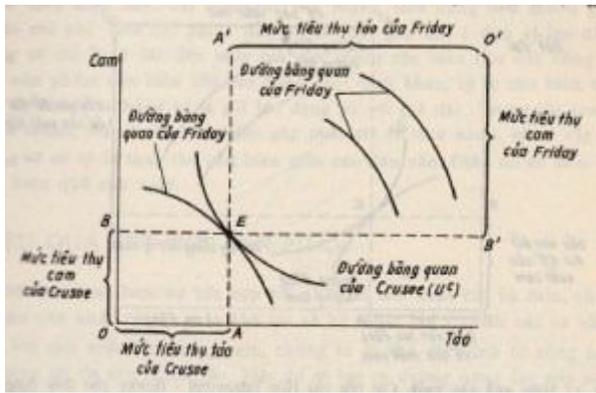
Có ba điều kiện cần thiết để có hiệu quả Pareto. Giữa bất kỳ hai hàng hóa nào, tỷ lệ thay thế cận biên của các cá nhân phải như nhau (điều đó gọi là hiệu quả trao đổi): Tỷ lệ thay thế cận biên của tất cả các hãng những đầu vào khác nhau phải như nhau (gọi là hiệu quả sản xuất); và tỷ lệ chuyển đổi cận biên giữa bất kỳ hai hàng hóa nào đều phải bằng tỷ lệ thay thế cận biên của người tiêu dùng (gọi là hiệu quả sản xuất hỗn hợp). Ở đây chúng tôi sẽ giải thích tại sao cần phải có các điều kiện đó và, nếu như không có thất bại của thị trường, thì thị trường cạnh tranh sẽ đảm bảo thỏa mãn những điều kiện đó như thế nào.

### **Hiệu quả trao đổi**

Hiệu quả trao đổi liên quan đến cách phân bổ một lượng hàng hóa nhất định giữa các cá nhân. Hãy xem xét nền kinh tế với cung hàng hóa cố định (giả sử cung táo và cam cố định). Để đơn giản, chúng ta giả sử có hai người là Robinson Crusoe và Friday. Cái mà Crusoe không nhận được thì Friday nhận được. Do đó chúng ta có thể trình bày tất cả các cách phân bổ có thể thực hiện trong một hộp (gọi là Hộp Edgeworth – Bowley, mang tên hai nhà kinh tế – toán học người Anh đầu thế kỷ 20) mà trong đó trục hoành là tổng cung táo và trục tung là tổng cung cam. Trong Hình 3.6 cái mà Crusoe nhận được đo bằng góc trái – dưới (O) và Friday nhận được đo bằng góc phải – trên (O'). Với cách phân bổ thể hiện bằng điểm E, Crusoe nhận được OA táo và OB cam, trong khi đó Friday nhận phần còn lại (là O'A' táo; và O'B' cam). Lúc này, chúng ta vẽ đường bàng quan của Friday trong hoàn toàn bình thường nếu bạn lật ngược cuốn sách.

Bây giờ chúng ta hãy xác định độ hữu dụng của Crusoe. Hiệu quả Pareto đòi hỏi chúng ta phải tăng tối đa độ hữu dụng của Friday với độ hữu dụng còn lại cho Crusoe không đổi. Do đó chúng đặt câu hỏi, giả sử Crusoe trên đường bàng quan  $U_c$ , thì đường bàng quan cao nhất mà Friday có thể có sẽ như thế nào? Hãy nhớ rằng độ hữu dụng của Friday tăng lên khi chúng ta dịch xuống và sang trái (Friday có nhiều hàng hóa hơn và Crusoe ít hơn) Friday đạt độ hữu dụng cao nhất khi đường bàng quan tiếp tuyến đường của Crusoe tại E. Tại điểm này độ dốc của các

đường bàng quan này bằng nhau, nghĩa là các tỷ lệ thay thế cận biên của cam đổi lấy táo là như nhau.



Hình 3.6 Hiệu quả trao đổi.

Các bên của Hộp Edgeworth – Bowley cho ta những phương án cung táo và cam.

OA và OB là tiêu dùng hai loại hàng hóa của Crusoe. Friday sẽ nhận được cái mà

Crusoe không nhận được, nghĩa là O'A' và O'B'. Hiệu quả Pareto đòi hỏi sự tiếp

tuyến của hai đường bàng quan (tại điểm E), khi tỷ lệ thay thế cận biên của cam lấy

táo là bằng nhau.

### Hiệu quả sản xuất

Hiệu quả sản xuất là nói về phân bổ một lượng hàng hóa nhất định giữa những cá

nhân, và phân bổ đó không tính đến vấn đề sản xuất. Sản xuất có hiệu quả là nói về

việc phân bổ nguồn lực nhất định làm đầu vào sản xuất ra hàng hóa. Giả sử rằng có

lượng cung cố định hai đầu vào là lao động và đất, để sản xuất ra táo và cam.

Chúng ta biểu diễn tổng cung các nguồn (đầu vào) bằng một chiếc hộp như trong Hình 3.7. Đầu vào nào không được dùng để sản xuất táo sẽ dùng để sản xuất cam. Mỗi điểm trong hộp là một cách phân bổ cụ thể giữa hai đầu vào đó.

Trong Hình 3.7, chúng ta vẽ các đường đẳng trị. Đường đẳng trị là tổng thể những kết hợp có thể thực hiện các đầu vào vừa đủ để sản xuất một lượng sản phẩm nhất định. Chúng ta có thể có mức sản lượng tương tự nếu tăng đầu vào lao động và giảm đầu vào đất. Chúng ta gọi độ dốc của đường đẳng trị là tỷ lệ thay thế cận biên của đất để lấy lao động; nó cho 1 lượng đất tăng thêm cần để thay cho giảm lao động bằng 1 đơn vị.

Một lần nữa hãy nhớ rằng số lượng đầu vào dùng để sản xuất táo được đo từ  $O'$ . Vì thế, các đường đẳng trị của táo có dạng như vậy; trông chúng hoàn toàn bình thường nếu lật ngược cuốn sách. Rõ ràng là hiệu quả sản xuất đòi hỏi rằng, đối với mọi mức sản xuất cam, sản lượng táo đều được tăng tối đa. Khi chúng ta chuyển xuống dưới và phía trái, thì nhiều nguồn lực được dùng để sản xuất táo hơn, do đó, những đường đẳng trị qua những điểm này là mức sản lượng táo cao hơn. Nếu chúng ta cố định mức sản lượng cam ở điểm tương đương với  $Q_0$ , thì rõ ràng là sản lượng táo được tăng tối đa bằng cách tìm đường đẳng trị tiếp tuyến với  $Q_0$ . Tại tiếp điểm, độ dốc của các đường đẳng trị là như nhau, tức là, tỷ lệ thay thế cận biên của đất để lấy lao động như nhau trong sản xuất táo cũng như trong sản xuất cam.



như điểm E, tỷ lệ thay thế cận biên của đất để lấy lao động là như nhau trong sản xuất táo và cam.

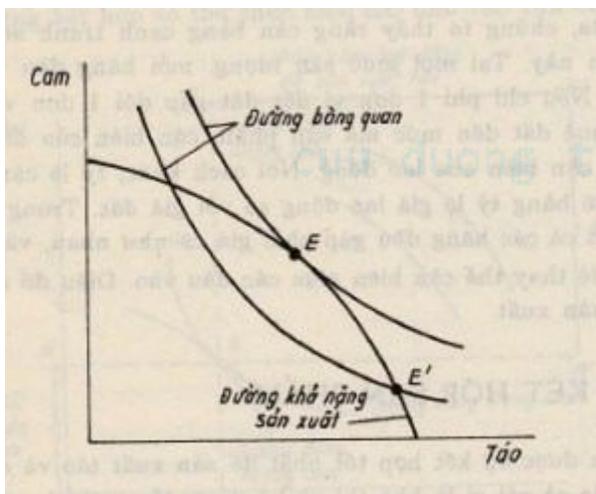
## **Hiệu quả kết hợp sản phẩm**

Để lựa chọn được sự kết hợp tốt nhất để sản xuất táo và cam, chúng ta cần cân nhắc cả cái gì là khả thi về kỹ thuật lẫn ý thích của cá nhân. Đối với mỗi mức sản lượng cam, chúng ta có thể xác định từ công nghệ để tăng tối đa sản lượng táo. Việc đó sẽ tạo ra đường năng lực sản xuất. Với đường năng lực sản xuất đã định, chúng ta lại muốn có được độ hữu dụng cao nhất có thể đạt được. Để đơn giản, chúng ta giả định rằng tất cả các cá nhân đều có khẩu vị giống nhau. Trong Hình 3.8, chúng tôi đã thể hiện cả đường năng lực sản xuất và đường bàng quan giữa táo và cam. Độ hữu dụng được tăng tối đa tại điểm tiếp tuyến của đường bàng quan và đường năng lực sản xuất. Độ dốc của đường năng lực sản xuất gọi là tỷ lệ chuyển đổi cận biên; nghĩa là chúng ta có thể có thêm bao nhiêu cam nếu giảm sản xuất táo xuống 1 đơn vị. Tại tiếp điểm E, các độ dốc của đường bàng quan và đường năng lực sản xuất là như nhau, tức là, tỷ lệ thay thế cận biên của cam để lấy táo bằng với tỷ lệ chuyển đổi cận biên.

Chúng tôi cũng đã chỉ ra tại sao, trong điều kiện cạnh tranh, tỷ lệ chuyển đổi cận biên bằng với giá tương ứng của táo so với cam. Nếu bằng cách giảm sản xuất táo

1 đơn vị, mà giả sử các hãng có thể tăng sản xuất cam lên 1 đơn vị, và bán cam cao hơn giá táo, thì bằng việc tăng tối đa lợi nhuận, các hãng sẽ mở rộng sản xuất cam.

Chúng tôi cũng đã chỉ ra tại sao trong điều kiện cạnh tranh, tỷ lệ thay thế cận biên của người tiêu dùng sẽ bằng tỷ lệ giá. Do cả hai tỷ lệ thay thế và chuyển đổi cận biên đều bằng tỷ lệ giá, cho nên tỷ lệ chuyển đổi cận biên phải bằng tỷ lệ thay thế cận biên của người tiêu dùng. Từ đó, trong thị trường cạnh tranh lý tưởng, cả ba điều kiện cần thiết để có hiệu quả Pareto đều được đáp ứng.



Hình 3.8 Hiệu quả kết hợp sản phẩm

Hiệu quả kết hợp sản phẩm đòi hỏi rằng tỷ lệ chuyển đổi cận biên bằng tỷ lệ thay thế cận biên của người tiêu dùng. Để đạt được độ hữu dụng cao nhất của người tiêu dùng, đường bàng quan và đường năng lực sản xuất phải tiếp tuyến (tại điểm E). Tại bất kỳ điểm nào khác, chẳng hạn điểm E', độ hữu dụng đều thấp hơn điểm E.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com